

Thứ Hai, ngày 23 tháng 9 năm 2024

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**SINH HOẠT DƯỚI CỜ****TÌM HIỂU AN TOÀN TRƯỜNG HỌC (Tiết 10)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- 100% HS biết một số quy tắc an toàn khi tham gia giao thông.
- 100% HS có ý thức chấp hành đúng và tham gia giao thông an toàn ở cổng trường

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + File bài giảng
- + Quà (tẩy) dành tặng HS đạt giải Cuộc thi “Viết chữ đẹp tuần 2”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**1. Hoạt động Khởi động (4 – 5’)**

- Ổn định tổ chức lớp học.

2. Hoạt động chào cờ cấp lớp. (12- 15’)

- Chinh đồn trang phục, đội ngũ
- Đứng nghiêm trang
- Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca

Đánh giá tuần 3

- Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của lớp.

+ Cuộc thi Viết chữ đẹp của tuần : Vẫn duy trì hàng tuần. Có 25/25 HS tham gia đầy đủ. Tuần 2 có 4 giải:

Trong đó: 1 giải Nhất: *Nguyễn Nhật Minh*

1 giải Nhì: *Nguyễn Phúc Khang*

2 giải Ba: *Hoàng Anh Minh, Trương Nhã Uyên*

+ Cuộc thi thử thách luyện đọc lần 1 có 1 giải Nhất: *Phạm Di Băng*

- GV trao giải cho 4 bạn đạt giải. Quà mỗi bạn đạt giải là 1 tẩy

- Nhận xét thi đua của các tổ trong tuần.

+ Lần lượt các tổ trưởng, lớp trưởng nhận xét.

+ GV nhận xét thi đua của lớp. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục: Đi học muộn, đồng phục.

Kế hoạch tuần 4:

- Duy trì nề nếp của lớp.
- Tiếp tục tổ chức cuộc thi “Viết chữ đẹp tuần 3”.
- Tổ chức cuộc thi “ Thử thách luyện đọc lần 2”
- Thực hiện dự án “Bồn cây em chăm; phân loại rác”

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (13- 15’)

- GV triển khai một số nội dung phát động phong trào “An toàn trường học”,

- Giới thiệu cho HS biết ý nghĩa của việc tham gia thực hiện “ Cổng trường an toàn giao thông”, đảm bảo an toàn cho HS, xây dựng nhà trường văn minh, tránh gây ùn tắc ở cổng trường.

- Tuyên truyền và nhắc nhở HS một số lưu ý khi tham gia giao thông để xây dựng “Công trường an toàn giao thông”:

- + Xếp hàng ngay ngắn từng lớp khi ra về, để xe đúng nơi quy định theo hàng, lối.
- + Đội mũ bảo hiểm khi ngồi sau xe mô tô, xe máy điện, xe đạp điện.
- + Nhắc nhở bố mẹ, người thân đứng đón xếp hàng theo khu vực quy định, không dừng, đỗ xe ở ngay gần cổng trường để chờ đón HS.

- HS hát bài hát: *Đường em đi là đường bên phải*

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....

.....

TOÁN

BÀI 4: SO SÁNH SỐ LỚN HƠN, DẤU $>$ (Tiết 10)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 90% HS nhận biết được các dấu lớn hơn ($>$)
- 90% HS sử dụng được các dấu lớn hơn khi so sánh hai số
- 80% HS nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10 (ở các nhóm có không quá 4 số)

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + Máy chiếu, máy tính, Bộ đồ dùng dạy Toán 1, file PowerPoint bài giảng.
- + Vật mẫu: 10 cốc, 10 thìa

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV cho HS hát bài hát: Tập đếm
- GV cho HS viết và đọc các số đã học

2. Hoạt động Khám phá (8 – 10')

- HS trả lời câu hỏi: Cái gì đựng nước uống ? Cái gì để xúc cơm ăn ?
- GV: Hôm nay chúng ta sẽ học cách so sánh số lớn hơn với những chiếc cốc và thìa
- HS đếm số cốc ở hình bên trái và số thìa hình bên phải để giải thích về con số ở cạnh mỗi hình
- Yêu cầu HS so sánh số cốc, thìa 2 bên ở mỗi hình vẽ (dùng cách ghép tương ứng 1-1)
- GV kết luận về số cốc, thìa của mỗi bên, như vậy 4 lớn hơn 3
- HD HS viết phép so sánh: $4 > 3$ vào vở
- GV làm tương tự với hình con vịt

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 -15')

HS làm bài 1, 2, 3, 4, 5 trong VTH Toán trang 18, 19. GV nhận xét kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1: Tập viết dấu $>$

- HS nêu yêu cầu đề.
- GV hướng dẫn viết
- HS làm cá nhân vào VTH
- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

Bài 2: Viết dấu > vào ô trống

- HS nêu yêu cầu đề.
- GV hướng dẫn mẫu
- GV cho học sinh làm vào vở bài tập.
- Y/C HS viết vào VBT.
- GV nhận xét, kết luận:

$$2 > 0$$

$$7 > 6$$

$$4 > 3$$

$$10 > 8$$

- GV củng cố về sử dụng dấu lớn khi so sánh 2 số.
- + *Khi so sánh hai số, số nào lớn hơn thì ta viết dấu lớn hơn về số đó*

Bài 3: Nối (theo mẫu)

- HS nêu yêu cầu của bài.
- HS thực hiện vào VTH
- GV nhận xét, kết luận:

$$4 > 3$$

$$5 > 1$$

$$8 > 6$$

Bài 4: So sánh (theo mẫu).

- GV hướng dẫn mẫu
 - HS làm vào VTH
 - GV nhận xét, kết luận:
- + **Hình 1:** $2 > 1$
 - + **Hình 2:** $7 > 2$
 - + **Hình 3:** $6 > 1$

Bài 5: Tô màu các ô có số lớn hơn 4 để giúp bạn Mai tìm đường về nhà.

- HS nêu yêu cầu của bài.
- GV yêu cầu HS tìm xem trong bài có những số nào lớn hơn 4
- GV cho học sinh thực hiện vào VTH
- GV cho học sinh đổi chéo vở để kiểm tra bài cho nhau.
- GV cùng HS nhận xét

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Yêu cầu HS đếm và so sánh số bạn nam, bạn nữ trong lớp.
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....
.....

TOÁN
BÀI 4: SO SÁNH SỐ
BÉ HƠN. DẤU $<$ (Tiết 11)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 90% HS nhận biết được các dấu bé hơn ($<$)
- 90% HS sử dụng được các dấu bé hơn khi so sánh hai số
- 80% HS nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10 (ở các nhóm có không quá 5 số)

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + Bộ đồ dùng dạy Toán 1, File bài giảng
+ Cốc, thìa
- HS: Bộ đồ dùng dạy Toán 1.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS hát và múa theo bài “ Em học toán”
- GV dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động Khám phá (7 – 10')

- Yêu cầu HS so sánh số cốc, thìa 2 bên ở mỗi hình vẽ (dùng cách ghép tương ứng 1-1)
- GV hỏi: Bên nào có ít hơn ?
- GV kết luận: **số 2 bé hơn số 3**
- HS viết phép so sánh : $2 < 3$ vào bảng con
- GV làm tương tự với hình con vịt

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (13 – 15')

HS làm bài 1, 2, 3, 4, 5 trong VTH Toán trang 20, 21. GV kết hợp chấm chữa bài

Bài 1: Tập viết dấu $<$

- HS nêu yêu cầu đề.
- GV hướng dẫn viết
- HS làm cá nhân vào VTH
- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

Bài 2: Viết dấu $<$ vào ô trống

- HS nêu yêu cầu đề.
- GV hướng dẫn mẫu
- GV cho học sinh làm vào vở bài tập.
- Y/C HS viết vào VBT.
- GV nhận xét, kết luận:

$1 < 3$

$3 < 6$

$5 < 7$

$7 < 8$

- GV củng cố về sử dụng dấu lớn khi so sánh 2 số.

+ Khi so sánh hai số, số nào bé hơn thì ta viết dấu bé hơn về số đó

Bài 3: Nói (theo mẫu)

- HS nêu yêu cầu của bài.

- HS thực hiện vào VTH

- GV nhận xét, kết luận:

$3 < 4$

$6 < 8$

$4 < 9$

Bài 4: So sánh (theo mẫu).

- GV hướng dẫn mẫu

- HS làm vào VTH

- GV nhận xét, kết luận:

+ Hình 1: $3 < 6$

+ Hình 2: $3 < 4$

+ Hình 3: $2 < 4$

Bài 5: Nói mỗi chuồng với một xe cở để số dê trong chuồng ít hơn số bó cỏ trên xe.

- HS đọc yêu cầu bài tập.

- HS làm bài theo nhóm đôi

- Các nhóm trả lời

- GV nhận xét

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Đếm số bạn nam và bạn nữ trong lớp rồi dùng khái niệm ít hơn, nhiều hơn nói về số lượng bạn nam và nữ.

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

BÀI 6: O o ' (Tiết 25, 26)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS nhận biết và đọc đúng âm **i, k**. Đọc đúng tiếng, từ ngữ, câu có âm **i, k**
- 80% HS viết đúng chữ **i, k**. Phân biệt được các kiểu chữ: **I, K** (in hoa), **i, k** (in thường), **i, k** (viết thường). **I, K** (viết hoa)
- 90% HS nói được 2 – 3 tiếng, từ chứa âm **i, k**.
- 80% HS có kĩ năng nói lời giới thiệu, làm quen.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa: 1. Trang Nam đang vẽ, bức vẽ sắp hoàn thành; 2. Tranh một con kì đã

đang bò kê đá; 3. Tranh Nam và một bạn khác đang nói chuyện, làm quen với nhau ở hành lang lớp học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file bài giảng.
+ Bộ đồ dùng học Tiếng Việt. Chữ mẫu
- HS: + Bộ đồ dùng học Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

TIẾT 1

1. Hoạt động Khởi động (4 -5’)

- HS viết chữ **ơ** vào bảng con. Đọc cá từ tiếng: **nơ đỏ, quả bơ, cá cờ. Mẹ cho bé nơ**
- HS phân tích tiếng **cờ**
- GV nhận xét.
- GV giới thiệu bài

2. Hoạt động Khám phá (28 – 30’)

a. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:
+ Bạn Nam đang làm gì?
- GV kết luận: + Bạn Nam đang vẽ tranh.
- HS đọc câu nhận biết dưới tranh: **Nam vẽ kì đà**
- GV giới thiệu âm **i, k**
+ Trong câu vừa đọc, có tiếng **kì** chứa âm **i, k** và được tô màu đỏ. Hôm nay chúng ta học chữ ghi âm **i, k**.
- GV trình chiếu chữ ghi âm **i, k** lên bảng.
- Âm **i, k** in thường gồm những nét nào?
 - GV nhận xét.
 - GV giới thiệu các kiểu chữ **i, k**

b. Luyện đọc

* Đọc âm

- GV đọc mẫu âm **i, k**
- Yêu cầu HS tìm âm **ô** trong Bộ thực hành Tiếng Việt , gài vào bảng gài.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp theo cá nhân, tổ, đồng thanh cả lớp.

* Đọc tiếng

- GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: **ki, kì**
- GV yêu cầu HS đánh vần tiếng : **ki, kì**. Cả lớp đồng thanh đọc
- + Một số (4-5) HS đọc trơn , ghép chữ cái tạo tiếng
- + HS tự tạo các tiếng có chứa **i, k** tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- + GV yêu cầu 3 - 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.
- + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.
- HS đọc trơn các tiếng còn lại.

* Đọc từ

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: **bí đỏ, kẻ ô, đi đò, kì đà**

- Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn từ: **bí đỏ**. GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.

- GV cho từ **bí đỏ** xuất hiện dưới tranh.

- Yêu cầu HS phân tích và đọc từ **bí đỏ**.

- GV thực hiện các bước tương tự đối với **kẻ ô, đi đà, kì đà**

- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc.

- 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh 2 - 3 lần.

* **Mở rộng:** + Cách gọi từ **bí đỏ** có thể gọi là **bí ngô, bầu ngô**

* **Đọc lại tiếng, từ**

- HS đọc lại các tiếng, từ: **ki, kì, kè, kẻ, kệ, kí, kì, kĩ.**

- HS tìm từ, tiếng chứa âm **i, k**

* **Đọc câu ứng dụng**

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:

+ Tranh vẽ những gì ?

+ Kì đà đang làm gì đang làm gì ?

- GV nhận xét

- HS đọc thầm câu "kì đà bò ở kẻ đá". 3 – 4 HS đọc trơn thành tiếng

- GV nhận xét, tặng sticker cho HS

TIẾT 2

1. Hoạt động Khởi động (4 -5')

- HS nhảy dân vũ Chicken dance

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')

a. Viết bảng

- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết chữ **i, k**

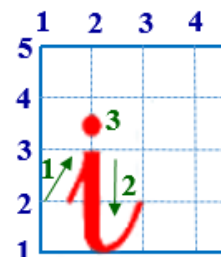
- **Cấu tạo:** Chữ **i** cao 2 ly, rộng 1,5 ly. Gồm 3 nét: nét hất, nét móc ngược và dấu chấm

- **Cách viết:**

+ **Nét hất:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét hất tới đường kẻ ngang 3 thì dừng lại.

+ **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng viết tiếp nét móc ngược, dừng bút ở góc giao nhau tại đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 3.

+ **Dấu chấm:** Đặt dấu chấm trên đầu nét móc, nằm trên đường kẻ dọc 2 tại khoảng giữa đường kẻ ngang 3 và 4, để tạo thành chữ **i**.



* **Viết chữ k**

- **Cấu tạo:** Chữ **k** cao 5 ly, rộng 3 ly. Gồm nét khuyết trên và nét thắt giữa.

- **Cách viết:**

+ **Nét khuyết trên:** Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 và ở giữa 2 đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lên phía trên và lượn cong sang trái sát đường kẻ ngang 6 rồi kéo thẳng xuống (trùng với đường kẻ dọc 2) tới đường kẻ ngang 1 thì dừng lại.

+ **Nét thắt giữa:** Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên trên đường kẻ ngang 2 viết tiếp nét thắt giữa chạm đường kẻ ngang 3 và xoắn 1 nét xoắn nhỏ tại góc giao giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 3 rồi hất lên dừng bút trên đường kẻ ngang 2 ở giữa đường kẻ dọc 4,5.

- GV hướng dẫn HS đồ chữ trên không.

- GV yêu cầu HS viết bảng con.

b. Viết vở

- GV hướng dẫn HS tô và viết chữ **i, k, kì** đã vào vở Tập viết 1, tập một.

- GV lưu ý HS viết các nét trong chữ, giữa chữ **k** và chữ **i**, khoảng cách giữa các chữ; vị trí dấu huyền và khoảng cách giữa dấu huyền với **kì** khi viết **kì**

+ Khoảng cách chữ **kì** đến chữ **đà** cách nhau bằng 1 con chữ **o**

- GV nhắc nhở tư thế ngồi viết, cách cầm bút cho HS.

- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng.

- GV nhận xét, kết hợp chấm chữa bài cho HS.

c. Nói theo tranh

- GV yêu cầu HS quan sát từng tranh

- GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:

+ Các em nhìn thấy những ai trong tranh?

+ Những người ấy đang ở đâu?

+ Họ đang làm gì?

- GV kết luận:

+ **Trong tranh có 4 bạn, các bạn đang ở trường học.**

+ **Các bạn đang đứng nói chuyện với nhau.**

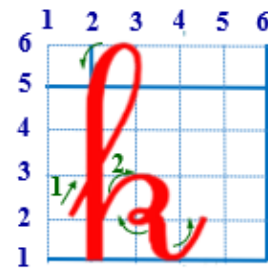
- GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai 1 HS đóng vai Nam, 1 HS đóng vai bạn còn lại. Bạn hỏi (ví dụ: Bạn tên gì? Bạn học lớp nào?...), Nam trả lời (tự giới thiệu bản thân mình).

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (4 -5')

- HS tìm tiếng có chứa âm **i, k**. Phân tích tiếng vừa tìm và đặt câu

- GV nhận xét tiết học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)



TIẾNG VIỆT**BÀI 12: H h L l (Tiết 39, 40)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- 100% HS nhận biết và đọc đúng âm **h, l**. Đọc đúng tiếng, từ ngữ, câu có âm **h, l**.
- 80% HS viết đúng chữ **i, k**. Phân biệt được các kiểu chữ: **H, L** (in hoa), **h, l** (in thường), **h, l** (viết thường). **H, L** (viết hoa)
- 90% HS nói được 2 – 3 tiếng, từ chứa âm **h, l**.
- 80% HS có kĩ năng phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm cây cối.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh hoạ: 1. Tranh le le bơi trên hồ; 2. Tranh khung cảnh gia đình, em bé 1-2 tuổi, mẹ bế bé, bà cầm lá hẹ để làm thuốc ho cho bé; 3. Tranh về một số loài cây.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file bài giảng. Bài hát “ tôi là hoa lá mùa xuân”
+ Bộ đồ dùng học Tiếng Việt. Chữ mẫu
- HS: + Bộ đồ dùng học Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**TIẾT 1****1. Hoạt động Khởi động (4 – 5’)**

- HS viết chữ **i, k** vào bảng con. Đọc cá từ tiếng: kì đà, kẻ vở, đi bộ.
- HS phân tích tiếng **kẻ**
- GV nhận xét.
- GV giới thiệu bài

2. Hoạt động Khám phá (28 – 30’)**a. Nhận biết**

- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:
+ Tranh vẽ gì?
+ Các con vật đang làm gì ?
- GV kết luận: + Tranh vẽ các con vật đang bơi ở hồ nước.
- HS đọc câu nhận biết dưới tranh: **le le bơi trên hồ.**
- GV giới thiệu âm **h, l**
+ Trong câu vừa đọc, có tiếng **hồ, le** chứa âm **h, l** và được tô màu đỏ. Hôm nay chúng ta học chữ ghi âm **h, l**.
- GV trình chiếu chữ ghi âm **h, l** lên bảng.
- Âm **h, l** in thường gồm những nét nào?
- GV nhận xét.
- GV giới thiệu các kiểu **h, l**

b. Luyện đọc

*** Đọc âm**

- GV đọc mẫu âm **h, l**
- Yêu cầu HS tìm âm **h, l** trong Bộ thực hành Tiếng Việt , gài vào bảng gài.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp theo cá nhân, tổ, đồng thanh cả lớp.

*** Đọc tiếng**

- GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: **hồ, le**
- GV yêu cầu HS đánh vần tiếng : **hồ, le** . Cả lớp đồng thanh đọc
- + Một số (4-5) HS đọc trơn , ghép chữ cái tạo tiếng
- + HS tự tạo các tiếng có chứa **h, l** tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- + GV yêu cầu 3 - 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.
- + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.
- HS đọc trơn các tiếng còn lại.

*** Đọc từ**

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: **lá đỏ, bờ hồ, cá hổ, le le**
- Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn từ: **lá đỏ** . GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.
- GV cho từ **lá đỏ** xuất hiện dưới tranh.
- Yêu cầu HS phân tích và đọc từ **lá đỏ**
- GV thực hiện các bước tương tự đối với **bờ hồ, cá hổ, le le**
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc.
- 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh 2 - 3 lần.

*** Đọc lại tiếng, từ**

- HS đọc lại các tiếng, từ.
- HS tìm từ, tiếng chứa âm **h, l**

*** Đọc câu ứng dụng**

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:
 - + Tranh vẽ những gì ?
 - + Bà đang làm gì ?
 - + Mẹ và bé đang làm gì ?
- GV nhận xét
- HS đọc thầm câu "**bé bị ho, bà đã có lá hẹ**". 3 – 4 HS đọc trơn thành tiếng
- GV nhận xét, tặng sticker cho HS

TIẾT 2**1. Hoạt động khởi động (2 – 3')**

- HS tập 3 động tác thể dục: Vươn thở, tay, lườn

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 22')**a. Viết bảng**

- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết chữ **h, l**

- **Cấu tạo:** Chữ l cao 5 ly, rộng 2 ly. Gồm nét khuyết trên nối liền với nét móc ngược.

- **Cách viết:**

+ **Nét khuyết trên:** Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 và ở giữa 2 đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lượn lên phía trên và lượn cong sang trái sát đường kẻ ngang 6 rồi kéo thẳng xuống (trùng với đường kẻ dọc 2) tới gần tới đường kẻ ngang 1

+ **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 1 ta lượn cong viết nét móc ngược, dừng bút nằm trên đường kẻ ngang 2 và khoảng giữa 2 đường kẻ dọc 3,4.

* **Viết chữ h**

- **Cấu tạo:** Chữ h cao 5 ly, rộng 3 ly. Gồm nét khuyết trên và nét móc hai đầu.

- **Cách viết:**

+ **Nét khuyết trên:** Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 và ở giữa 2 đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lên phía trên và lượn cong sang trái sát đường kẻ ngang 6 rồi kéo thẳng xuống (trùng với đường kẻ dọc 2) tới đường kẻ ngang 1 thì dừng lại.

+ **Nét móc hai đầu:** Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên trên đường kẻ ngang 2 viết tiếp nét móc hai đầu chạm đường kẻ ngang 3 và dừng bút ở trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 4 và 5.

- GV hướng dẫn HS đồ chữ trên không.

- GV yêu cầu HS viết bảng con.

b. Viết vở

- GV hướng dẫn HS tô và viết chữ **h, l, hồ, le le** vào vở Tập viết 1, tập một.

- GV lưu ý HS viết các nét trong chữ, giữa chữ **h, l** và chữ **ô, e**, khoảng cách giữa các chữ; vị trí dấu huyền và khoảng cách giữa dấu huyền với **hồ** khi viết **hồ**

+ Khoảng cách chữ **le** đến chữ **le** cách nhau bằng 1 con chữ **o**

- GV nhắc nhở tư thế ngồi viết, cách cầm bút cho HS.

- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng.

- GV nhận xét, kết hợp chấm chữa bài cho HS.

c. Nói theo tranh

- GV yêu cầu HS quan sát từng tranh

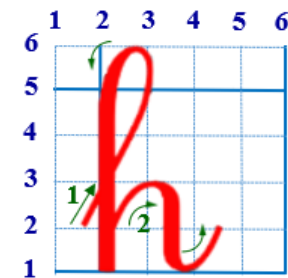
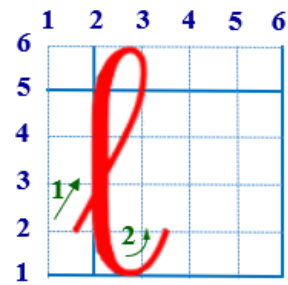
- GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:

+ Các em nhìn thấy những gì trong tranh?

+ Có những loại cây nào ?

+ Trên cây có nhiều quả không ?

+ Nhà em có trồng loại cây gì ko ?



- GV kết luận:

+ *Trong tranh vẽ trong vườn có rất nhiều cây cối.*

+ *Có cây bầu, cây bưởi, cây nhót*

+ *Trên cây có rất nhiều quả với các màu sắc khác nhau.*

* *GDHS: Cần trồng cây để bảo vệ môi trường xanh, sạch đẹp.*

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (8 – 10’)

- HS tìm tiếng có chứa âm **h, l**. Phân tích tiếng vừa tìm và đặt câu

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....
.....

Thứ Ba, ngày 24 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

BÀI 13: U U U U (Tiết 41, 42)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS nhận biết và đọc đúng âm **u, ư**. Đọc đúng tiếng, từ ngữ, câu có âm **u, ư**
- 80% HS viết đúng chữ **u, ư**. Phân biệt được các kiểu chữ: **U, U'** (in hoa), **u, ư** (in thường), **u, ư** (viết thường). **U, U'** (viết hoa)
- 90% HS nói được 2 – 3 tiếng, từ chứa âm **u, ư**
- 80% HS có kỹ năng phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm cây cối.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa: 1. Hình ảnh quả đu đủ chín; 2. Hình ảnh cá hổ; 3. Nam đang giới thiệu bản thân mình với chị sao đỏ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file bài giảng.
+ Bộ đồ dùng dạy Tiếng Việt. Chữ mẫu
- HS: + Bộ đồ dùng học Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

TIẾT 1

1. Hoạt động Khởi động (4 - 5’)

- HS viết chữ **h, l** vào bảng con. Đọc cá từ tiếng: **hồ cá, lá đa. Ve ve ve, hè về.**
- HS phân tích tiếng **hồ**
- GV nhận xét.
- GV giới thiệu bài

2. Hoạt động Khám phá (25 – 30’)

a. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:
+ Tranh vẽ gì?
+ Bạn nhỏ đang làm gì ?

- + Con đã từng ăn quả đu đủ chưa?
- GV kết luận:
 - + **Tranh vẽ bạn nhỏ đang cầm miếng đu đủ để ăn**
- HS đọc câu nhận biết dưới tranh: **Đu đủ chín ngọt lừ.**
- GV giới thiệu âm **u, ư**
- + Trong câu vừa đọc, có tiếng **đu, đủ** chứa âm **u, ư** và được tô màu đỏ. Hôm nay chúng ta học chữ ghi âm **u, ư**
- GV trình chiếu chữ ghi âm **u, ư** lên bảng.
- Âm **u, ư** in thường gồm những nét nào?
- GV nhận xét.
- GV giới thiệu các kiểu **u, ư**

b. Luyện đọc*** Đọc âm**

- GV đọc mẫu âm **u, ư**
- Yêu cầu HS tìm âm **u, ư** trong Bộ thực hành Tiếng Việt , gài vào bảng gài.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp theo cá nhân, tổ, đồng thanh cả lớp.

*** Đọc tiếng**

- GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: **đu, lừ**
- GV yêu cầu HS đánh vần tiếng : **đu, lừ**. Cả lớp đồng thanh đọc
- + Một số (4-5) HS đọc trơn , ghép chữ cái tạo tiếng
- + HS tự tạo các tiếng có chứa **u, ư** tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- + GV yêu cầu 3 - 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.
- + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.
- HS đọc trơn các tiếng còn lại.

*** Đọc từ**

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: **dù, đu đủ, hồ dũ**
- Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn từ: **dù** . GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.
- GV cho từ **dù** xuất hiện dưới tranh.
- Yêu cầu HS phân tích và đọc từ **dù**
- GV thực hiện các bước tương tự đối với **đu đủ, hồ dũ**
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc.
- 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh 2 - 3 lần.

*** Đọc lại tiếng, từ**

- HS đọc lại các tiếng, từ.
- HS tìm từ, tiếng chứa âm **u, ư**

*** Đọc câu ứng dụng**

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:
 - + Tranh vẽ gì ?
 - + Con cá trông có to không ?

- GV nhận xét
- HS đọc thầm câu "**cá hồ là cá dữ**". 3 – 4 HS đọc trơn thành tiếng
 - + Cá hồ là loài cá như thế nào?
 - + Con nhìn thấy con cá hồ chưa?
- GV nhận xét, tặng sticker cho HS

TIẾT 2

1. Hoạt động khởi động (2 – 3')

- GV tổ chức cho HS tập 3 động tác thể dục: Vươn thở, tay, lườn

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 24')

a. Viết bảng

- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết chữ **u**, **ư**.

* Viết chữ **u**

- **Cấu tạo:** Chữ **u** cao 2 ly, rộng 3 ly. Gồm 3 nét: nét hất, nét móc ngược rộng và 1 nét móc ngược.

- **Cách viết:**

+ **Nét hất:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét hất tới đường kẻ ngang 3 thì dừng lại.

+ **Nét móc ngược rộng:** Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút để viết nét móc ngược rộng thứ nhất, kết thúc tại điểm giữa đường kẻ dọc 3 và 4 trên đường kẻ ngang 2.

+ **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên đường kẻ 3 viết nét móc ngược thứ 2, dừng bút ở đường kẻ ngang 2 giữa đường kẻ dọc 4 và 5.

* Viết chữ **ư**

- **Cấu tạo:** Chữ **ư** cao 2 ly, rộng 3 ly. Gồm 4 nét: nét hất, nét móc ngược rộng, 1 nét móc ngược và 1 nét râu.

- **Cách viết:**

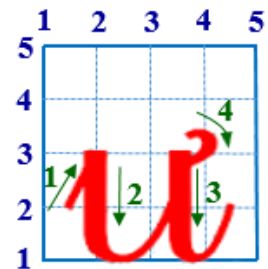
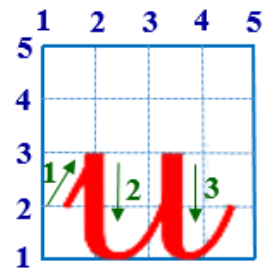
+ **Nét hất:** Đặt bút trên đường kẻ ngang 2, viết nét hất tới đường kẻ ngang 3 thì dừng lại.

+ **Nét móc ngược rộng:** Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút để viết nét móc ngược rộng thứ nhất, kết thúc tại điểm giữa đường kẻ dọc 3 và 4 trên đường kẻ ngang 2.

+ **Nét móc ngược:** Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên đường kẻ 3 viết nét móc ngược thứ 2, dừng bút ở đường kẻ ngang 2 giữa đường kẻ dọc 4 và 5.

+ **Nét râu:** Từ điểm dừng bút của nét 3, lia bút lên phía trên đường kẻ 3 một chút (gần đầu nét 3) viết nét râu hơi cong giống dấu hỏi, dừng bút khi chạm vào nét 3.

- GV hướng dẫn HS đồ chữ trên không.



- GV hướng dẫn HS đồ chữ trên không.
- GV yêu cầu HS viết bảng con.

b. Viết vở

- GV hướng dẫn HS tô và viết chữ **u, ư, dù, hồ, dữ** vào vở Tập viết 1, tập một.
- GV lưu ý HS viết các nét trong chữ, giữa chữ **d, h** và chữ **u, ư, ô**, khoảng cách giữa các chữ; vị trí dấu huyền, dấu hỏi, dấu ngã và khoảng cách giữa dấu huyền, dấu hỏi, dấu ngã với **du, hô, dư** khi viết **dù, hồ, dữ**
 - + Khoảng cách chữ **hồ** đến chữ **dữ** cách nhau bằng 1 con chữ **o**
- GV nhắc nhở tư thế ngồi viết, cách cầm bút cho HS.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng.
- GV nhận xét, kết hợp chấm chữa bài cho HS.

c. Nói theo tranh

- GV yêu cầu HS quan sát từng tranh
- GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:
 - + Các em nhìn thấy những gì trong tranh?
 - + Các bạn đang làm gì?
 - + Nét mặt của các bạn như thế nào?
- GV kết luận:
 - + *Các bạn đang ngồi ở sân trường, các bạn ngồi nói chuyện và giới thiệu về bản thân mình*
 - + *Nét mặt của bạn nào cũng vui vẻ, hớn hởi.*

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 8’)

- HS tìm tiếng có chứa âm **u, ư**. Phân tích tiếng vừa tìm và đặt câu
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
MỘT NGÀY Ở TRƯỜNG (Tiết 11)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS nêu được một số hoạt động học tập và vui chơi cùng bạn khi ở trường, sự cần thiết phải có bạn khi học tập và vui chơi.
- 100% bước đầu hình thành được một số thói quen tự phục vụ bản thân khi ở trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file bài giảng.
 - + Tranh ảnh về hoạt động học tập và vui chơi của HS trong trường học.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (4 – 5')

- Ổn định: GV cho HS múa hát bài “Chiến binh xanh”
- Giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và làm quen với quang cảnh và các hoạt động của một ngày ở trường.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (25 – 27').

Tìm hiểu một ngày ở trường của em

- HS quan sát các tranh và trả lời một số câu hỏi:
 - + Các bạn trong tranh đang tham gia những hoạt động nào? Hoạt động đó mang lại ích lợi gì?
- HS thảo luận nhóm đôi:
 - + Ở trường, em và các bạn được tham gia những hoạt động nào?
 - + Em đã tự làm được những việc gì khi ở trường?
 - + Việc làm đó của em mang lại ích lợi gì?
- HS đại diện các nhóm lên bày tỏ ý kiến.
- GV nhận xét và rút ra kết luận:

Khi ở trường, các em nên tự thực hiện những việc như: sắp xếp, dọn đồ ăn trước và sau khi ăn, gấp và cất chăn gối sau khi ngủ trưa; vứt, nhặt rác để giúp sân trường sạch sẽ hơn; cất và xếp ghế sau khi chào cờ và hoạt động tập thể; uống nước và vệ sinh cá nhân; chăm sóc hoa, cây cối ở vườn trường.

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (8 – 10')

Trò chơi kết bạn

- GV phổ biến luật chơi:
 - + HS các nhóm đứng theo vòng tròn, một bạn làm quản trò đứng ở giữa vòng tròn.
 - + Khi quản trò hô: “Kết bạn, kết bạn”, các học sinh xung quanh sẽ đáp “Kết mấy? Kết mấy?”. Lúc đó, quản trò sẽ nêu số lượng tùy thích, ví dụ : “Kết đôi, kết đôi”, “Kết ba, kết ba”. Ngay lập tức sau khi quản trò hô, các bạn HS trong nhóm sẽ chạy lại với nhau để thành các nhóm như quản trò yêu cầu. Bạn nào không có nhóm sẽ là người thua cuộc.
- GV cho HS chơi trò chơi.
- GV theo dõi, giúp đỡ HS.
- HS trả lời câu hỏi để nêu được cảm nhận sau khi tham gia trò chơi này:
 - + Em có vui khi tham gia trò chơi này không?
 - + Em có bị thua cuộc lần nào không. Khi các bạn đều có nhóm kết bạn mà em không có thì em có cảm xúc như thế nào?
 - + Khi các bạn ở trường, em và bạn có thể cùng nhau làm những việc gì?

** GV kết luận: Khi ở trường, em và bạn cùng nhau tham gia nhiều hoạt động khác nhau như: cùng nhau thảo luận nhóm để học tập trong các tiết học, giúp đỡ nhau khi gặp bài khó, cùng nhau tham gia các trò chơi trong các giờ nghỉ giữa giờ. Có bạn, chúng em học tốt hơn; có bạn, chúng em sẽ vui hơn.*

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

TIẾNG VIỆT**BÀI 14: Ch ch Kh kh (Tiết 43, 44)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- 100% HS nhận biết và đọc đúng âm **ch, kh**. Đọc đúng tiếng, từ ngữ, câu có âm **ch, kh**
- 80% HS viết đúng chữ **ch, kh**. Phân biệt được các kiểu chữ: **Ch, Kh** (in hoa), **ch, kh** (in thường), **ch, kh** (viết thường). **Ch, Kh** (viết hoa)
- 90% HS nói được 2 – 3 tiếng, từ chứa âm **ch, kh**
- 80% HS có kỹ năng phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm cây cối.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa: 1. *Mấy chú khỉ ăn chuối*; 2. *Chị có cá kho khế*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file bài giảng.
+ Bộ đồ dùng dạy Tiếng Việt. Chữ mẫu
- HS: + Bộ đồ dùng học Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**TIẾT 1****1. Hoạt động Khởi động (4 - 5’)**

- HS viết chữ **u, ư** vào bảng con. Đọc cá từ tiếng: **lá đỏ, đu đủ, di dò, củ từ. Đu đủ chín ngọt lừ.**
- HS phân tích tiếng từ
- GV nhận xét.
- GV giới thiệu bài

2. Hoạt động Khám phá (25 – 30’)**a. Nhận biết**

- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:
 - + Tranh vẽ gì?
 - + Máy chú khỉ đang làm gì ?
 - + Con đã từng ăn quả chuối chưa?
- GV kết luận:
 - + **Tranh vẽ cả nhà khỉ đang ngồi ăn quả chuối.**
- HS đọc câu nhận biết dưới tranh: **Mấy chú khỉ ăn chuối**
 - GV giới thiệu âm **ch, kh**
 - + Trong câu vừa đọc, có tiếng **chú, khỉ, chuối** chứa âm **ch, kh** và được tô màu đỏ.
- Hôm nay chúng ta học chữ ghi âm **ch, kh**
 - GV trình chiếu chữ ghi âm **ch, kh** lên bảng.
 - Âm **ch, kh** in thường gồm những nét nào?

- GV nhận xét.
- GV giới thiệu các kiểu **ch, kh**

b. Luyện đọc*** Đọc âm**

- GV đọc mẫu âm **ch, kh**
- Yêu cầu HS tìm âm **ch, kh** trong Bộ thực hành Tiếng Việt , gài vào bảng gài.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp theo cá nhân, tổ, đồng thanh cả lớp.

*** Đọc tiếng**

- GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: **chú, khi**
- GV yêu cầu HS đánh vần tiếng : **chú, khi**. Cả lớp đồng thanh đọc
- + Một số (4-5) HS đọc trơn , ghép chữ cái tạo tiếng
- + HS tự tạo các tiếng có chứa **ch, kh** tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- + GV yêu cầu 3 - 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.
- + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.
- HS đọc trơn các tiếng còn lại.

*** Đọc từ**

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: **lá khô, chú khi, chợ cá**.
- Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn từ: **lá khô** . GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.
- GV cho từ **lá khô** xuất hiện dưới tranh.
- Yêu cầu HS phân tích và đọc từ **lá khô**
- GV thực hiện các bước tương tự đối với **chú khi, chợ cá**.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc.
- 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh 2 - 3 lần.

*** Đọc lại tiếng, từ**

- HS đọc lại các tiếng, từ.
- HS tìm từ, tiếng chứa âm **ch, kh**

*** Đọc câu ứng dụng**

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:
 - + Tranh vẽ gì ?
 - + Hai chị em đang làm gì?
 - + Con cá trông có to không ?
- GV nhận xét
- HS đọc thầm câu "**chị có cá kho khô**". 3 – 4 HS đọc trơn thành tiếng
 - + Chị có gì?
 - + Con đã từng ăn cá kho chưa?
- GV nhận xét, tặng sticker cho HS

TIẾT 2**1. Hoạt động khởi động (2 – 3')**

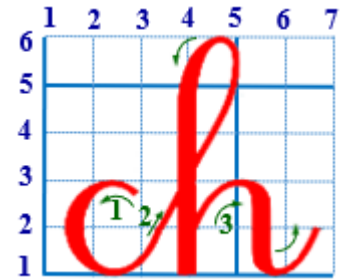
- GV tổ chức cho HS tập 3 động tác thể dục: Vươn thở, tay, lườn

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 24')**a. Viết bảng**

- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết chữ **ch, kh**

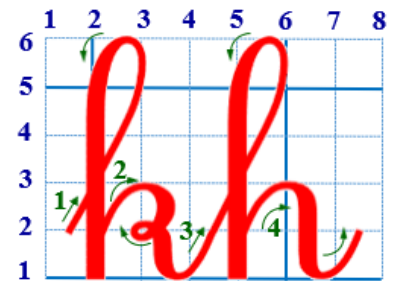
- **Cấu tạo:** Chữ ch cao 5 ly, rộng 5 ly. Gồm chữ c và h ghép lại với nhau.

- **Cách viết:** Điểm đặt bút trên đường kẻ dọc 3 dưới đường kẻ ngang 3 một chút. Đưa bút vòng sang trái viết nét cong trái đi qua góc của đường kẻ dọc 4 và ngang 3 sau đó viết nối tiếp nét khuyết trên của chữ h đi qua góc đường kẻ ngang 5 và dọc 5 rồi vòng xuống trùng với đường kẻ dọc 4. Di bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc 2 đầu. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 6 và 7

*** Viết chữ kh**

- **Cấu tạo:** Chữ kh cao 5 ly, rộng 6 ly. Gồm chữ k và h ghép lại với nhau.

- **Cách viết:** Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 và ở giữa 2 đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lên phía trên và lượn cong sang trái sát đường kẻ ngang 6 rồi kéo thẳng xuống (trùng với đường kẻ dọc 2) tới đường kẻ ngang 1 thì dừng lại. Sau đó rê bút lên trên đường kẻ ngang 2 viết tiếp nét thắt giữa chạm đường kẻ ngang 3 và xoắn 1 nét xoắn nhỏ tại góc giao giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 3 rồi hất lên đi qua góc giữa đường kẻ ngang 3 và dọc 5. Ta viết nối tiếp nét khuyết trên của chữ h đi qua góc đường kẻ ngang 5 và dọc 6 rồi vòng xuống trùng với đường kẻ dọc 5. Di bút lên đường kẻ ngang 2 viết nét móc 2 đầu. Dừng bút trên đường kẻ ngang 2 tại điểm giữa đường kẻ dọc 7 và 8



- GV hướng dẫn HS đồ chữ trên không.

- GV yêu cầu HS viết bảng con.

b. Viết vở

- GV hướng dẫn HS tô và viết chữ **ch, kh, chú khỉ** vở Tập viết 1, tập một.

- GV lưu ý HS viết các nét trong chữ, giữa chữ **ch, kh** và chữ **u, i**, khoảng cách giữa các chữ; vị trí dấu hỏi, dấu sắc và khoảng cách giữa dấu hỏi, dấu sắc với **ch, khi** khi viết **chú, khỉ**

+ Khoảng cách chữ **chú** đến chữ **khỉ** cách nhau bằng 1 con chữ **o**

- GV nhắc nhở tư thế ngồi viết, cách cầm bút cho HS.

- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng.

- GV nhận xét, kết hợp chấm chữa bài cho HS.

c. Nói theo tranh

- GV yêu cầu HS quan sát từng tranh
- GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:
 - + Các em nhìn thấy những gì trong tranh?
 - + Bạn nhỏ đang làm gì ?
 - + Theo em, cá cảnh và cá làm thức ăn có gì khác nhau?
 - + Em có thích nuôi cá cảnh không? Vì sao?
- GV kết luận:
 - + *Tranh vẽ bạn nhỏ đang đứng xem bể cá, trong bể có những con cá đầy màu sắc. Cá cảnh có rất nhiều loài. Cá cảnh thường chỉ để làm cảnh trong bể.*

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 8’)

- HS tìm tiếng có chứa âm **ch, kh**. Phân tích tiếng vừa tìm và đặt câu
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....

.....

Thứ Tư, ngày 25 tháng 9 năm 2024

ĐỌC SÁCH

TRUYỆN: NHỎ CỬ CẢI (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 90% HS hiểu được ý nghĩa câu chuyện : Cần đoàn kết sẽ có thành công
- 70% HS nhớ tên truyện “ nhỏ cử cải”, biết truyện “ nhỏ cử cải” thuộc thể loại dân gian Nga

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + Truyện tranh “ Nhỏ cử cải”

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (2 -3’)

- HS vận động bài hát “ Lớp chúng ta đoàn kết”

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 22’)

* *HS tập trung ở thư viện*

* *Trước khi đọc*

- Cho học sinh xem trang bìa của quyển sách
- + Giáo viên có thể sử dụng như che tên truyện, che tranh trang bìa và đặt câu hỏi cho học sinh để từ từ mở ra.

- Đặt 3 - 4 câu hỏi về tranh trang bìa.

- + Các em thấy gì ở bức tranh này ?

- + Trong bức tranh này, các em thấy có bao nhiêu nhân vật ?

- + Các nhân vật trong bức tranh này đang làm gì?

- + Theo các em, ai sẽ là nhân vật chính trong câu chuyện?

- Đặt 1-2 câu hỏi để liên hệ đến thực tế cuộc sống của học sinh.

- + Các em đã bao giờ thấy các con vật này chưa?

- + Ở nhà các em đã được đọc hay xem truyện này chưa ?
- Đặt 2 câu hỏi phỏng đoán.
- + Theo các em, điều gì sẽ xảy ra trong câu chuyện?
- Đặt 1-2 câu hỏi về bức tranh ở trang đầu tiên
- Giải nghĩa từ khóa “ không lồ”
- Giới thiệu về sách truyện

*** Trong khi đọc**

- Đọc chậm, rõ ràng, diễn cảm kết hợp với ngôn ngữ cơ thể.
- Cho học sinh xem tranh ở một vài đoạn chính trong truyện.
- Dừng lại 2-3 lần để đặt câu hỏi phỏng đoán.
- + Theo các em, điều gì sẽ xảy ra tiếp theo?

*** Sau khi đọc**

- Đặt 3-5 câu hỏi để hỏi học sinh về những gì đã xảy ra trong câu chuyện:
- + Theo em, ai sẽ thắng cuộc ?
- Đặt câu hỏi và sử dụng tranh trong sách để tóm tắt 3 - 4 phần chính:
- + Điều gì xảy ra đầu tiên? Điều gì xảy ra tiếp theo? Điều gì xảy ra ở cuối câu chuyện?
- Đặt 1-2 câu hỏi “tại sao”:
- + Theo các em, vì sao lại nhỏ được củ cải lên ?

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (8 – 10’)

- HS đội mũ đóng vai các nhân vật trong câu chuyện Nhỏ củ cải
- GV nhận xét tiết dạy

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....
.....

TOÁN

BÀI 4: SO SÁNH SỐ (TIẾT 12)
BẰNG NHAU, DẤU =

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 90% HS nhận biết được dấu bằng (=)
- 90% HS sử dụng được dấu bằng khi so sánh hai số
- 80% HS nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10(ở các nhóm có không quá 4 số)

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file bài giảng
- + Vật mẫu: 10 cốc, 10 thìa
- HS: Bộ đồ dùng học Toán 1 của HS.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (4 – 5')

- GV gắn 5 bông hoa và 3 chiếc lá lên bảng và hỏi:
 - + Số hoa nhiều hơn hay số lá nhiều hơn?
 - + Số hoa ít hơn hay số lá ít hơn?
- Yêu cầu HS nhắc lại.
- HS trả lời.
- GV nhận xét, kết luận.
 - + **Số hoa nhiều hơn số lá.**
 - + **Số lá ít hơn số hoa.**
- GV dẫn dắt và ghi tên bài lên bảng.

2. Hoạt động Khám phá (8 – 10')

- HS quan sát cái cốc và thìa
- GV: GV hỏi: Đố các em đây là cái gì?
- GV nói về công dụng của cốc và thìa
- Yêu cầu HS đếm số số lượng cốc, thìa
- GV hỏi: Bên nào có số lượng ít hơn ?
- GV kết luận: viết $4 = 4$ lên bảng
- GV: Khi hai số bằng nhau ta dùng dấu $=$ để viết phép so sánh
- HD HS viết phép so sánh : $4 = 4$ vào vở
- GV làm tương tự với hình minh họa về máy tính xách tay và chuột máy tính

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 25')

HS làm bài 1, 2, 3, 4, 5 trang 21, 22, 23 trong VTH Toán 1. GV kết hợp chấm chữa bài

Bài 1: Tập viết dấu $=$

- HS nêu yêu cầu đề.
- GV hướng dẫn viết
- HS làm cá nhân vào VTH
- GV quan sát, sửa lỗi cho HS

Bài 2: Viết dấu $=$ vào ô trống

- HS nêu yêu cầu đề.
- GV hướng dẫn mẫu
- GV cho học sinh làm vào vở bài tập.
- Y/C HS viết vào VBT.
- GV nhận xét, kết luận:

$$0 = 0 \quad 5 = 5 \quad 2 = 2 \quad 8 = 8$$

- GV củng cố về sử dụng dấu bằng khi so sánh 2 số.

Bài 3: Nói (theo mẫu)

- HS nêu yêu cầu của bài.
- HS thực hiện vào VTH
- GV nhận xét, kết luận:

$$4 = 4 \quad 3 = 3 \quad 1 = 1 \quad 2 = 2$$

Bài 4: Đ, S?

- HS nêu yêu cầu bài tập
- HS làm bài cá nhân
- GV kết luận:
- + *Số lá màu trắng nhiều hơn số lá màu xanh: S*
- + *Số lá màu trắng bằng số lá màu xanh: Đ*

Bài 5: < ; > ; =

- HS nêu yêu cầu bài tập
- HS làm bài tập cá nhân
- GV kết luận:

$$5 < 7 \quad 6 < 8 \quad 3 = 3$$

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 - 5')

- HS tự ra đề bài, trao đổi với bạn bên cạnh về lớn hơn, bé hơn, bằng nhau
- GV nhận xét tiết học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....

.....

TOÁN CÙNG CẤP ÔN TẬP SO SÁNH SỐ. (Tiết 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS biết cách điền dấu <, >, = vào chỗ chấm.
- 70 % HS lập được các nhóm đồ vật có số lượng 7, 8, 9. Rồi so sánh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file bài giảng
- + Phiếu bài tập . Giấy A4

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (4 – 5')

- HS chơi trò chơi: Vòng xoay kì diệu
- Mỗi tên chỉ đến số nào, HS gắn hoa vào số tương ứng.
- GV nhận xét

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 -23')

HS làm bài 1, 2, 3 trong Phiếu bài tập . GV nhận xét kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1: Điền dấu <, >, = ?

6 8	5 4	9 4	6 6	2 0
7 ... 7	3 5	4 4	0 1	8 9
3 0	3 6	2 7	4 8	3 3

Bài 2. Số?

2 >	5 <	9 >.....	5 =	8 <.....
1 >.....	3 =	6 >.....	4 <	7 >.....

2 << 4 0 << 2 9 >> 7 8 >> 6 5 >.....> 2

Bài 3. Viết các số 3; 9; 8; 0; 5:

a, Theo thứ tự từ bé đến lớn:;;;;

b, Theo thứ tự từ lớn đến bé:;;;;

- HS làm bài trong vòng 20 phút.
- HS đổi chéo vở để kiểm tra
- GV nhận xét

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 -7')

- HS so sánh số cửa sổ với cửa ra vào, bóng điện với quạt trong lớp học.
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....

.....

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ ÔN LUYỆN: L H U Ư (Tiết 6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 90% HS nắm vững cách đọc các âm **l, h, u, ư**; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các âm **l, h, u, ư**; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- 90% HS có kĩ năng nối hình ảnh có chứa từ với âm **l, h, u, ư**
- 80% HS có kĩ năng điền âm còn thiếu tạo thành tiếng, từ
- HS giữ sách vở sạch, đẹp; yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file PowerPoint bài giảng.
- + Thẻ chữ cái **l, h, u, ư**

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (4 – 5')

- HS và GV vận động bài “ Chiến binh xanh”
- GV giới thiệu bài

2. Hoạt động Luyện tập - Thực hành (20 – 22')

* Luyện đọc

- GV yêu cầu HS đọc các tiếng, từ, câu chứa âm **l, h, u, ư**
+ **lê, hồ, lá hẹ, nụ, thứ tự. Thứ tự, bé Hà thi vẽ ở Hà Nội.**
- HS phân tích tiếng: **tự.**
- GV nhận xét

* Bài tập

GV yêu cầu HS làm bài 1, 2, 3 trang 14 và 1,2,3 trang 15 trong VBT Tiếng Việt 1 tập 1. GV kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1: Nối

- HS đọc yêu cầu bài tập 1 trang 14, 15

- HS làm bài cá nhân
- GV kết luận:
 - + Hình ảnh cái lá, cái lọ, hồ nước, con hồ lần lượt nổi vào từ lá, lọ, hồ, hồ
 - + Hình ảnh phong thư nổi với âm *ư*
 - + Hình ảnh con cú, su su, cái tú nổi với âm *u*

- HS phân tích tiếng **tủ, lọ.**

- GV nhận xét

Bài 2/14: Điền h, l

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm bài cá nhân
- GV kết luận: + lá *đá*, bờ *hồ*, ba *lô*
- HS phân tích từ **bờ hồ**

Bài 3/14: Tô màu xanh từ chứa l, tô màu đỏ chữ chưa h

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm bài cá nhân
- GV kết luận: + Từ *le le, lo*: Tô màu xanh
- + Từ *hồ, hẹ, ho*: Tô màu đỏ

Bài 2/15: Khoanh theo mẫu

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm bài cá nhân
- GV kết luận: + Từ chứa *u*: củ, hũ, đủ
- + Từ chứa *ư*: lư, bư, dư

Bài 3/15: Điền u hay ư

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm bài cá nhân
- GV kết luận: + củ, đu đủ, hổ dữ, dù.
- HS tìm tiếng chứa u, ư

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (6 – 8’)

Trò chơi “ Ai nhanh hơn”

+ GV nêu cách chơi: Tìm thẻ chữ và dấu thanh ở hộp 1 , 2, 3 rồi gắn tạo thành các tiếng. Sau đó viết các tiếng lên bảng

+ Cách chơi: 1 HS có 10 giây để chơi. Nếu nhanh nhất sẽ được tặng điểm thi đua

- HS chơi

- GV nhận xét

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....

.....

TOÁN TƯ DUY
SO SÁNH DUNG TÍCH (Tiết 7)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS hiểu thế nào là dung tích của một vật
- 100% HS biết so sánh dung tích của hai vật chứa

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: file bài giảng. Chai nước. PBT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**1. Hoạt động Khởi động (4 – 5’)**

- Giáo viên chuẩn bị một số hộp sữa với thể tích thực khác nhau (loại 110ml, 180ml, 1l) và một số chai nước khoáng với thể tích thực khác nhau (loại 350ml, 500ml, 1l, 5l) đặt thành hàng ngang cho học sinh quan sát.
- Giáo viên lần lượt lấy hai hộp sữa bất kì có thể tích thực khác nhau và hỏi học sinh hộp sữa nào lớn hơn? Hộp sữa nào chứa nhiều sữa hơn?
- Giáo viên lần lượt lấy hai chai nước bất kì có thể tích thực khác nhau và hỏi học sinh chai nước nào lớn hơn? Chai nước nào chứa nhiều nước hơn? Chai nước nào chứa ít nước hơn?
- Dung tích hiểu một cách đơn giản chính là sức chứa (hay khả năng chứa) tối đa của một vật. Vật nào chứa được nhiều hơn thì có dung tích lớn hơn

2. Hoạt động Khám phá (10 – 15’)

Làm quen với “đầy” “đầy một nửa” và rỗng

- Giáo viên có thể đưa chai và cốc rỗng cho học sinh, nhờ học sinh lấy giúp cô 1 chai (cốc) nước đầy, 1 chai (cốc) nước đầy một nửa – hoặc một nửa chai (cốc) nước, thậm chí có thể đưa cốc và nhờ học sinh lấy cho cô 1 chai (cốc) không có nước.
- Giáo viên sử dụng 1 chai nước đầy – giới thiệu cho học sinh đây là “chai nước đầy”, 1 cốc nước đầy – giới thiệu cho học sinh đây là “cốc nước đầy”.
- + 1 chai nước đầy một nửa – giới thiệu cho học sinh đây là “chai nước đầy một nửa”, 1 cốc nước đầy một nửa – giới thiệu cho học sinh đây là “cốc nước đầy một nửa”.
- + 1 chai không có nước – giới thiệu cho học sinh đây là “chai rỗng”, 1 cốc nước không có nước – giới thiệu cho học sinh đây là “cốc rỗng”.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (13 – 15’)

- Giáo viên nêu yêu cầu, hướng dẫn và cho học sinh làm phiếu bài tập 4.1.1.
- + Nội dung: Số đếm, số lượng, số thứ tự trong phạm vi 10.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (4 - 5’)

- HS thực hành so sánh lượng nước trong các chai
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....

.....

Thứ Năm, ngày 26 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT**BÀI 15: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (Tiết 45, 46)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- 90% HS nắm vững cách đọc các âm **i, k, l, h, u, ư, ch, kh**; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các âm **i, k, l, h, u, ư, ch, kh**; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- 90% HS có kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.
- 80% HS kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện **Đàn kiến con ngoan ngoãn**, trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện. Qua câu chuyện, HS có ý thức quan tâm, giúp đỡ người khác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file bài giảng, bộ đồ dùng DHTV
+ Chữ mẫu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**TIẾT 1****1. Hoạt động Khởi động (4 – 5’)**

- HS viết chữ **ư, ch, kh** vào bảng con.
- HS đọc câu: **Mẹ đi chợ mua khế, mía, dừa, thị cho bé.**
- GV nhận xét

2. Hoạt động Luyện tập - Thực hành (28 – 30’)**a. Luyện đọc***** Đọc tiếng:**

- GV yêu cầu HS ghép âm đầu với nguyên âm để tạo thành tiếng (theo mẫu) và đọc to tiếng được tạo ra: theo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp.
- Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV yêu cầu HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.

*** Đọc từ ngữ:**

- GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cá nhân, nhóm), đọc đồng thanh (cả lớp).

*** Đọc câu**

- HS đọc thầm cả câu, tìm tiếng có chứa các âm đã học trong tuần.
- GV đọc mẫu.
- GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.

b. Viết vở

- GV hướng dẫn HS viết chữ **đỗ đỗ** vào vở Tập viết 1, tập một.
- GV lưu ý HS cách nói nét giữa các chữ cái, vị trí của dấu thanh, khoảng cách giữa các chữ.
- GV quan sát và sửa lỗi cho HS.

TIẾT 2

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV cùng HS vận động bài *Chú ếch con*

2. Hoạt động Luyện tập - Thực hành (23 – 25’)

* Kể chuyện

CON QUẠ THÔNG MINH

Một con quạ đang khát nước. Nó bay mãi nhưng chẳng kiếm được một giọt nào. Một quả, nó đậu xuống một cành cây để nghỉ. Nó nhìn thấy một cái bình ở dưới gốc cây.

Quạ sà xuống đất, ngó vào bình và thấy trong bình có nước. Nó thò mỏ vào, nhưng nước trong bình ít quá, mỏ nó không thể tới được.

Nhìn xung quanh, Quạ thấy những viên sỏi nhỏ. Nó thử lấy mỏ gấp một viên sỏi thả vào bình và thấy nước dâng lên một chút. Nó tiếp tục gấp những viên sỏi khác thả vào bình.

Chẳng bao lâu, nước đã dâng lên đến miệng bình. Quạ uống thỏa thích rồi bay lên cây nghỉ ngơi.

* GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời

Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.

Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.

Đoạn 1: Từ đầu đến ở dưới gốc cây

+ Quạ thấy gì ở dưới gốc cây ?

Đoạn 2: Tiếp theo đến không thể tới được

+ Quạ có uống được nước trong bình không? Vì sao?

Đoạn 3: Tiếp theo cho đến gấp những viên sỏi khác thả vào bình

+ Quạ đã nghĩ ra điều gì?

Đoạn 4: Còn lại

- GV nhận xét câu trả lời

* HS kể chuyện

- GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh

- HS kể toàn bộ câu chuyện.

- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (4 – 5’)

- HS hát bài hát: *Lớp chúng ta đoàn kết*

- GV nhận xét tiết học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....
.....

TOÁN TƯ DUY
SO SÁNH DUNG TÍCH (Tiết 8)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS biết so sánh dung tích của hai vật chứa

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: file bài giảng. PBT. Thẻ số

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**1. Hoạt động Khởi động (4 – 5’)**

- Giáo viên chuẩn bị một số vật chứa bằng nhựa an toàn (nhựa trong), lần lượt chọn hai vật bất kì, cho học sinh quan sát và đưa ra dự đoán xem vật nào có dung tích lớn hơn hay vật nào chứa được nhiều nước hơn?

- Ở hoạt động này cô có thể thay nước bằng nước màu hoặc các loại ngũ cốc nhỏ như gạo, hoặc đá nhỏ...

- Ví dụ để so sánh dung tích của chai nước và cốc nước, giáo viên có thể đổ đầy nước vào chai, để cốc rỗng. Rồi từ từ rót nước từ chai vào cốc, nếu cốc đã đầy mà chai vẫn còn nước thì chai có dung tích lớn hơn hay chai chứa được nhiều nước hơn cốc.

- Ứng dụng của nội dung học của tiết học này chính là để học sinh làm quen với việc ước lượng tương quan giữa vật chứa và đồ vật chứa trong đó. Ví dụ như chọn rổ/giỏ để đựng rau củ quả, chọn đĩa/bát đựng thức ăn, chọn túi/hộp để đựng đồ vật mua ở chợ, siêu thị hay để cất giữ, vận chuyển. Giáo viên có thể sử dụng vật thật, tạo các tình huống với chủ đề tương tự để học sinh hiểu được ý nghĩa thực tiễn của nội dung này.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (28 – 30’)

- Giáo viên nêu yêu cầu, hướng dẫn và cho học sinh làm phiếu bài tập 4.2.1.

- Nội dung: So sánh dung tích

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (4 - 5’)

- HS pha nước màu và thuyết trình, so sánh lượng nước trong chai nước.

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....
.....

Thứ Sáu, ngày 27 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT
ÔN TẬP TUẦN 4 (Tiết 35, 36)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS biết nối tranh với các từ ngữ tương ứng
- 80% HS biết điền âm **u, ư** tạo thành tiếng, từ.
- 80% HS biết điền tiếng phù hợp nhất tạo thành câu.
- 100% HS biết nối ghép các tiếng tạo thành từ có nghĩa.
- 70% HS viết đúng chữ **thứ tư, bé hà thi vẽ.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + File bài giảng
- + Phiếu bài tập (Sách tham khảo: Hướng dẫn học Tiếng Việt quyển 1)
- + Giấy kiểm tra

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**TIẾT 1****1. Hoạt động Khởi động (4 – 5’)**

HS hát bài hát: Đường em đi

- GV dẫn vào bài

2. Hoạt động Luyện tập - Thực hành (23 – 25’)

HS làm bài 1, 2, 3, 4 trong Phiếu bài tập Tiếng Việt. GV nhận xét kết hợp chấm chữa bài.
Phiếu bài tập:

Bài 1. Nối:

cá nhụ

đu đủ

ngủ khi

củ nghệ

**Bài 2. Điền:**a) **u** hay **ư**?

th__ đồ

tu h__

n__ bí

ng__ khi

đ__ đủ

c__ nghệ

từ t__

do d__

b) **nhụ**, **củ** hay **ngủ**?

Dì Na có cá ____.

Bà có ____ nghệ để kho cá.

____ bí đã ngủ.

Mẹ có ____ bí.

Bài 3. Gạch dưới tiếng có chứa âm **u (theo mẫu):**

như

mê

nhữ

dự

đu

dù

bí

củ

xứ

cú

nhữ

củ

Bài 4. Nối ô chữ để tạo thành từ:

a)

cá

đu

b)

nhụ

ngư

đu

chú

ngu

bí

dì

dự

cá

nhụ

do

ngủ

củ

nghệ

- HS làm bài trong vòng 30p.

- GV nhận xét, sửa bài.

TIẾT 2**1. Hoạt động Khởi động (2- 3’)**

- GV cùng HS khởi động 3 động tác thể dục cơ bản: vươn thở, tay, lườn

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (30 – 32')

- GV yêu cầu HS viết theo chữ mẫu trên bảng vào vở ô li. Viết hết trang vở.
- GV viết chữ mẫu: **thứ tư, bé hà thi vẽ.**
- HS viết bài vào vở ô li. GV quan sát, nhắc nhở HS viết bài cẩn thận, hạn chế tẩy xóa.
- GV thu bài và chấm, chữa bài.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (4 – 5')

- HS chơi trò chơi: Vòng xoay kỳ diệu
- + HS lên bảng xoay vòng xoay, mũi tên chỉ đến từ, câu nào HS đọc to từ, câu trước lớp.
- GV nhận xét tiết học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....

.....

TIẾNG VIỆT CÙNG CỐ**ÔN LUYỆN: Ch Kh****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- 90% HS nắm vững cách đọc các âm **ch, kh** ; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các âm **ch, kh**; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- 90% HS có kỹ năng nối hình ảnh có chứa từ với âm **ch, kh**
- 80% HS có kỹ năng điền âm còn thiếu tạo thành tiếng, từ
- HS giữ sách vở sạch, đẹp; yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file bài giảng.
- + Thẻ chữ cái **ch, kh**

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**1. Hoạt động Khởi động (4 – 5')**

- HS và GV vận động bài “ Ghen Covy”
- GDHS: Cách phòng tránh dịch bệnh

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 22')*** Luyện đọc**

- GV yêu cầu HS đọc các tiếng, từ, câu chứa âm **ch, kh**
+ **chú khỉ, che gió, khe đá, cá kho. Bà kho cá với khế.**
- HS phân tích tiếng: **khế**
- GV nhận xét

*** Luyện tập**

HS làm bài 1, 2, 3 trang 16 trong VBT Tiếng Việt. GV kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1: Nói

- HS đọc yêu cầu bài tập 1 trang 14, 15

- HS làm bài cá nhân

- GV kết luận:

+ Hình ảnh chùm khế, con chó, con khỉ, cuộn chỉ nối với các từ lần lượt là: khế, chó, khỉ, chỉ.

- HS phân tích tiếng **chó**

- GV nhận xét

Bài 2: Điền ch hoặc kh

- HS đọc yêu cầu bài.

- HS làm bài cá nhân

- GV kết luận: + cá khô, che ô, chú hề

- HS phân tích từ **chú hề**

Bài 3: Điền ch hoặc kh

- HS đọc yêu cầu bài.

- HS làm bài cá nhân

- GV kết luận: + Chị Kha cho Hà đi chợ.

+ Bà có cá kho khế.

+ Cô Chi cho bé ô đồ.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (6 – 8’)

Trò chơi “ Ai nhanh hơn”

+ GV nêu cách chơi: Tìm thẻ chữ và dấu thanh ở hộp 1 , 2, 3 rồi gắn tạo thành các tiếng. Sau đó viết các tiếng lên bảng

+ Cách chơi: 1 HS có 10 giây để chơi. Nếu nhanh nhất sẽ được tặng điểm thi đua

- HS chơi

- GV nhận xét

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....
.....

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

CHỦ ĐỀ 4: NGHỀ DỆT CHIẾU CỎI NGA SƠN (Tiết 3, 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- 100% HS biết được Nga Sơn có nghề trồng cối và dệt chiếu nổi tiếng.

- 100% HS biết được các bước làm cối để dệt chiếu.

- Tự hào về các làng nghề của quê hương Thanh Hóa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: + file bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (4 – 5’)

- HS chơi trò chơi “Kết bạn”

+ *Luật chơi:* GV hô “Kết bạn, kết bạn” HS đáp “Kết mấy kết mấy?” GV nêu yêu cầu “Kết hai” hoặc “Kết ba” ... Nhiệm vụ của HS là nhanh tay bắt cặp với nhau theo yêu cầu của GV. Nhóm nào không kết bạn đủ theo yêu cầu sẽ bị loại. HS bị loại sẽ bị phạt múa hát 1 bài.

- GV nhận xét. Dẫn vào bài.

2. Hoạt động Khám phá (28 – 30’)

a. Nga Sơn có nghề trồng cói và dệt chiếu nổi tiếng từ lâu.



- HS quan sát video hình ảnh cây cói và trả lời câu hỏi:

+ Cây cói có hình dáng thế nào?

- GV nhận xét: Thân xanh mỡ, tròn thon từ gốc, nửa trên đến ngọn vuốt thành ba cạnh, búp hoa chụm chụm xanh. Rễ cây dằng dịt bám vào đất, kết thành khối, gió sóng không thể đánh bật. Thủy triều dâng, cây ngập chìm lút trong nước. Biển cạn, mênh mông phù sa và lấm tấm màu cây xanh. Cây mọc lẫn trong cỏ, trong sậy hoang.

- GV giới thiệu làng nghề dệt chiếu ở Nga Sơn.

+ Nói đến Thanh Hoá, không ai là không biết chiếu cói Nga Sơn, một sản phẩm nổi tiếng của vùng đất ven biển này, vật biểu trưng cho niềm hạnh phúc của những đôi lứa yêu nhau,... Chiếc chiếu nổi tiếng đã được lưu truyền qua bao đời, bao thế hệ trên khắp mọi miền của đất nước. Nó nổi tiếng đến mức đã đi vào câu ca dao, tục ngữ của người Việt Nam:

*Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông*

b. Các bước làm cói để dệt chiếu

- Thu hoạch cói



- Chẻ cói



- Phơi cói



- Nhuộm cói



c. Dệt chiếu cói.

- HS quan sát tranh trong SGK và nêu các bước để dệt chiếu.
- GV kết luận: Có 4 bước để dệt chiếu cói:
 - + *Dệt chiếu thủ công hoặc dệt chiếu bằng máy*
 - + *Hoàn thiện chiếu*
 - + *Cắt phần cói thừa*
 - + *In màu.*

TIẾT 2

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS chơi trò chơi “Kết bạn”
- + *Luật chơi:* GV hô “Kết bạn, kết bạn” HS đáp “Kết mấy kết mấy?” GV nêu yêu cầu “Kết hai” hoặc “Kết ba” ... Nhiệm vụ của HS là nhanh tay bắt cặp với nhau theo yêu cầu của GV. Nhóm nào không kết bạn đủ theo yêu cầu sẽ bị loại. HS bị loại sẽ bị phạt múa hát 1 bài.
- GV nhận xét. Dẫn vào bài.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (8 – 10')

HS làm bài tập 1, 2, 3 trang 27 kết hợp chấm chữa bài cho HS.

a. Chọn các nguyên liệu chính để dệt chiếu cói

- HS đọc tên các nguyên liệu, thảo luận nhóm trong thời gian 2 phút.
- Đại diện nhóm nói tên các nguyên liệu thích hợp.
- HS và GV nhận xét, kết luận: *cói và sợi dây đay*

b. Nói thứ tự các bước làm cói để dệt chiếu

- HS nêu yêu cầu bài tập.
- GV gọi từng HS nêu thứ tự các bước làm cói
- GV kết hợp hướng dẫn và giải nghĩa sâu cho HS ghi nhớ.
- GV và HS nhận xét, kết luận, nhắc lại các bước làm cói để dệt chiếu:

- + *Thu hoạch cối*
- + *Chẻ cối*
- + *Phơi cối*
- + *Nhuộm cối*

c. Chọn từ ngữ ở cột B phù hợp với cột A để được câu đúng.

- HS thảo luận nhóm đôi, làm vào PBT.
- Sau 2 phút, GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.
- GV và HS nhận xét, kết luận

Nghề dệt chiếu cối ở Nga Sơn	là cối và dây đay.
Nguyên liệu dệt chiếu	phải nhuộm cối.
Muốn dệt chiếu hoa	nổi tiếng từ lâu.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (18 – 20')

a. Kể tên một số đồ dùng làm bằng cối

- HS thảo luận nhóm đôi, quan sát tranh và nêu tên các đồ dùng làm bằng cối mà em biết.
- Đại diện 3 – 4 nhóm trình bày.
- Nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, bổ sung kết quả của các nhóm.
- GV kết luận: *Chiếu cối, dép cối, túi cối, vali cối, ...*
- GV hỏi thêm: “*Công dụng của các đồ vật này là gì?*”

b. Vẽ tranh về một trong những cảnh sau: Cảnh ruộng cối, thu hoạch cối, phơi cối, nhuộm cối.

- GV hướng dẫn HS chọn đề tài để vẽ.
- HS quan sát các bức tranh, nói về cảnh vật trong tranh.
- GV hướng dẫn HS chọn lọc các chi tiết nổi bật để đưa vào tranh.
- HS thực hành vẽ tranh.
- GV kết hợp hướng dẫn và gợi ý cho HS thể hiện được ý tưởng vào tranh.
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHIA SẺ VIỆC THỰC HIỆN AN TOÀN GIAO THÔNG
Ở CỔNG TRƯỜNG (Tiết 12)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS biết được những ưu điểm, nhược điểm về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong tuần qua.

- 90% HS biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- 100% HS biết tự liên hệ và đánh giá về những việc bản thân và các bạn trong lớp đã làm được để tham gia xây dựng “Công trường an toàn giao thông”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + file bài giảng.

+ Phần thưởng: thư khen, bút, tẩy

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (2 – 3’)

- HS hát bài hát “Lớp chúng ta đoàn kết”

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (13 - 15’)

a. Nhận xét tuần 4

- GV yêu cầu các tổ trưởng báo cáo tình hình của tổ mình.:

+ *Đi học chuyên cần:*

+ *Tác phong, đồng phục.*

+ *Chuẩn bị bài, đồ dùng học tập*

+ *Vệ sinh.*

+ GV nhận xét qua 1 tuần học:

* *Tuyên dương:*

- GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.

- GV tặng thư khen, bút, tẩy cho HS đạt thành tích tốt trong tuần học.

* *Nhắc nhở:*

- GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.

b. Phương hướng tuần 5

- Duy trì nề nếp lớp học.

- Tổ chức cuộc thi viết chữ đẹp và luyện đọc lần 4

- Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.

3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (15 – 17’)

- GV tổ chức cho HS tham gia một số hoạt động như:

- Chơi các trò chơi: thi nhận biết nhanh về các biển báo giao thông đường bộ; thi sắm vai tham gia giao thông; sắm vai xử lý các tình huống khi tham gia giao thông đường bộ...

Thảo luận và chia sẻ cặp đôi và toàn lớp về: những việc mà bản thân đã chứng kiến, quan sát được về tình huống không an toàn khi tham gia giao thông; những việc mà bản thân đã thực hiện khi tham gia phong trào Công trường an toàn giao thông; những lời khuyên tới các bạn trong lớp để tham gia giao thông an toàn-

- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

.....
.....

Ban giám hiệu

Khối trưởng

Giáo viên

Lê Công Thắng

Lưu Thị Thùy

Lê Thị Thủy

Lê Thủy